

T. Phước

Mã nhận dạng : 000621

Trang : 1/3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200002	ĐOÀN HỮU BĂNG	30/10/2002	CCQ2005D			Băng	85	90	88		
2	2120050002	ĐINH THÀNH DANH	14/09/2002	CCQ2005A			Danh	78	90	85		
3	2120050004	HỒ HOÀNG ĐĂNG	13/12/2002	CCQ2005A			Đăng	75	80	78		
4	2120050005	BÙI TRỌNG HIỂN	02/06/2002	CCQ2005A			Hiển	70	70	70		
5	2120050006	VÕ THANH HOÀNG	24/08/2002	CCQ2005A			Hoàng	55	80	70		
6	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A			Hòa	0	0	0		
7	2120050010	TRẦN TUẤN KHẢI	03/02/2002	CCQ2005A			Khải	78	90	85		
8	2120050009	NGUYỄN PHI HÙNG	24/06/2002	CCQ2005A			Hùng	85	90	88		
9	2120050011	ĐỖ TẤN LÂM	11/09/2002	CCQ2005A			Lâm	83	90	87		
10	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A			Nam	58	80	75		
11	2120050013	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	08/03/2002	CCQ2005A			Nguyễn	90	90	90		
12	2120170607	NGUYỄN TẤN KHOA	26/01/2002	CCQ2014B			Phước	75	80	77		
13	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D			Khoa	93	85	88		
14	2120170404	TRẦN DUY KHOAN	18/11/2002	CCQ2005D			Khoan	88	90	89		
15	2120050014	NGUYỄN DUY NHẤT	05/12/2002	CCQ2005A			Nhất	60	90	78		
16	2120170538	NÃO VĂN KY	20/02/2002	CCQ2005D			Ky	10	80	88		
17	2120240108	HỒ LÊ HOÀNG NAM	13/09/2002	CCQ2005D			Nam	73	80	77		
18	2120050016	TRẦN DUY PHONG	16/04/2002	CCQ2005A			Phong	75	80	78		
19	2120050018	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/01/2002	CCQ2005A			Phúc	81	70	75		
20	2120110125	HUỖNH VĂN SÁNG	18/09/2000	CCQ2005D			Sang	0	0	0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

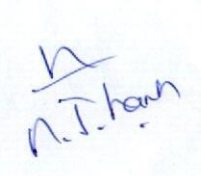
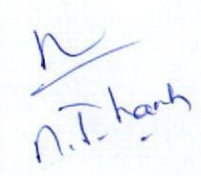
Môn học: Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 41.....

Số bài thi: 41.....

Số tờ giấy thi: 41.....

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH QUAN	13/08/2001	CCQ2005A			Quan	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050020	TRẦN NGỌC QUÝ	08/06/2002	CCQ2005A			Qu	8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050021	PHẠM SÁNG	28/02/1998	CCQ2005A			Sang	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120110097	HUỲNH VĂN THÀ	26/05/2002	CCQ2005D			Tha	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050023	HÀ THANH SƠN	10/08/2002	CCQ2005A			Son	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN SỸ	07/10/2002	CCQ2005A			Sy	7,8	9,0	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A			Tien	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050025	VÕ TẤN TÀI	23/12/2002	CCQ2005A			Tai	8,8	9,0	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A			Tai	8,5	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120050027	BÙI VĂN DUY TÂN	08/12/2002	CCQ2005A			Tan	8,5	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120050029	NGUYỄN THIÊN THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A			Thanh	7,3	9,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120050028	NGUYỄN THẾ TÂN	24/09/2001	CCQ2005A			Tan	9,8	8,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120050030	LÊ VĂN THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A			Thinh	8,3	9,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120050031	TRẦN DIỆP THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A			Thuan	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120060031	ĐIẾU VĂN TRƯỜNG	25/09/2002	CCQ2006A			Truong	8,3	9,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	30/07/2002	CCQ2005D			Truong	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120050032	LÊ THANH TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A			Tuan	8,5	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D			Vang	8,8	8,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120170527	ĐÌNH QUANG VINH	10/01/2002	CCQ2005D			Vinh	9,8	8,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI VŨ	06/07/2002	CCQ2005A			Vu	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

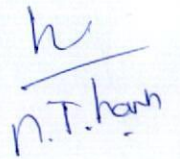
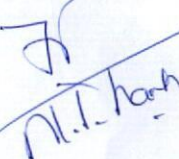
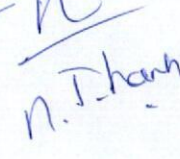
Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120050034	CAO VĂN TUẤN VŨ	16/12/2001	CCQ2005A				8,8	9,0	8,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

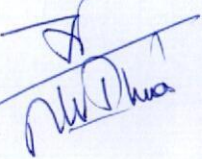
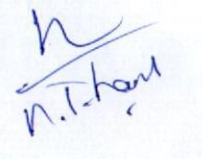
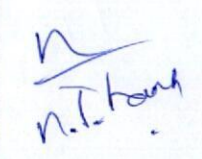
Môn học: Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 02

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060069	PHẠM QUANG BÌNH	06/12/2002	CCQ2006B			Bình	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A			Chung	50	50	50	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B			Dân	90	80	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			Đạt	65	70	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121060045	NGUYỄN SỸ THÀNH ĐẠT	13/05/2003	CCQ2106B			Đạt	80	70	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050039	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B			Đạt	73	80	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050040	NGUYỄN ANH ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B			Được	95	70	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A			Hào	78	80	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B			Hoàng	85	90	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			Hùng	68	80	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050042	LÊ TRẦN QUANG HUY	05/11/2002	CCQ2005B			Huy	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121060004	VÕ KHÁNH HƯNG	25/10/2003	CCQ2106A			Hưng	70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121230006	VÕ NGUYỄN KHANG	02/01/1999	CCQ2123A			Khang	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121060039	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	03/12/2003	CCQ2106B			Khoa	80	80	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121060018	NGUYỄN MINH KHÔI	19/09/2003	CCQ2106A			Khôi	53	90	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC LÂM	20/11/2001	CCQ2005B			Lâm	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050047	HUỖNH PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B			Lâm	78	80	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B			Lợi	75	80	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121230010	ĐỖ MINH NAM	21/09/2003	CCQ2123A			Nam	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			Nguyễn	88	75	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B			<i>Nha</i>	8,3	9,0	8,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120050051	ĐÌNH VĂN	26/06/2002	CCQ2005B			<i>Nhan</i>	7,3	8,0	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120050052	SƠN	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Nhi</i>	6,3	9,0	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
24	2120050053	NGUYỄN XUÂN	06/09/2001	CCQ2005B			<i>Phu</i>	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120050054	TRƯƠNG BÌNH	18/05/2001	CCQ2005B			<i>Phuoc</i>	9,5	9,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120050056	TRẦN BÁ	26/09/2002	CCQ2005B			<i>Quoc</i>	9,5	7,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121060011	HÀ NGỌC	22/03/2003	CCQ2106A			<i>Sao</i>	6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120050058	VŨ ĐỨC	15/10/2001	CCQ2005B			<i>Tai</i>	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120050059	BÁ HOÀNG	29/09/2001	CCQ2005B			<i>Tan</i>	8,3	7,0	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2118060030	TRẦN DUY	18/12/2000	CCQ1806A			<i>Tan</i>	8,8	8,0	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120050060	HUỲNH HỮU	02/06/2002	CCQ2005B			<i>Thai</i>	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121060046	ĐOÀN VĂN	15/11/2003	CCQ2106B			<i>Ti</i>	5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120050061	NGUYỄN MINH	25/07/2001	CCQ2005B			<i>Ti</i>	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120050062	PHAN TRỌNG	22/05/2002	CCQ2005B			<i>Tinh</i>	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120050063	TÔ VĂN	27/06/2002	CCQ2005B			<i>Tan</i>	9,3	7,0	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
36	2120050065	HUỲNH MINH	08/12/2002	CCQ2005B			<i>Tri</i>	7,0	8,0	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2120060030	VÕ MINH	15/09/2002	CCQ2006A			<i>Tri</i>	7,3	8,0	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120050067	TRẦN MINH	10/08/2002	CCQ2005B			<i>Tu</i>	6,0	9,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH	17/03/2002	CCQ2005B			<i>Tung</i>	7,8	9,0	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2120050068	THIÊN NGỌC	02/12/2002	CCQ2005B			<i>Van</i>	0	0	0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

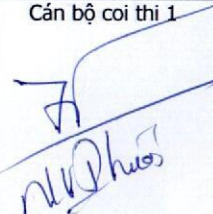
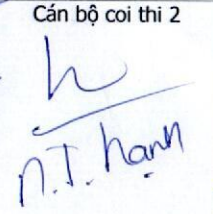
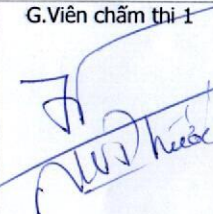
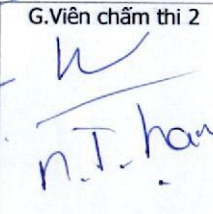
Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B				73	90	83	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(8) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (9) (9)
42	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A				83	70	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(8) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (9) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

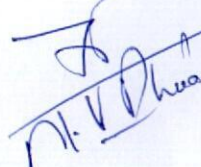
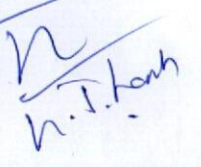
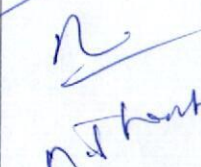
Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			Công	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050106	NGUYỄN LÊ THÀNH THÔNG	06/04/2002	CCQ2005D			Thông	6,5	9,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050098	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/03/2002	CCQ2005C			Cường	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C			Dâng	5	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			Duy	3,5	6,0	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050050	NGUYỄN ANH DƯƠNG	27/06/2001	CCQ2105B			Dương	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050071	LÊ VIỆT ĐĂNG	17/01/2002	CCQ2005C			Đăng	6,5	4,0	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050100	ĐOÀN ĐỨC HẢO	08/06/2002	CCQ2005C			Hảo	7,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			Hậu	8,5	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			Hiệp	5,8	7,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			Hoàng	5,0	5,0	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			Huy	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			Huy	8,5	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050075	LÊ VĂN HUỖNH	25/01/2002	CCQ2005C			Huỳnh	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH KHOA	19/09/2001	CCQ2005D			Khoa	9,5	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050076	LÊ TIỀN KHÔI	13/08/2002	CCQ2005C			Khôi	3,5	6,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050101	NGUYỄN HỮU LUÂN	09/12/2002	CCQ2005C			Luân	8,3	9,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050102	NGUYỄN LUẬT	12/06/2002	CCQ2005C			Luật	5,3	8,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050079	THIÊN SANH LỰC	16/02/2000	CCQ2005C			Lực	4,8	9,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050078	PHÚ VĂN LƯƠNG	11/03/2001	CCQ2005C			Lương	9,3	8,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

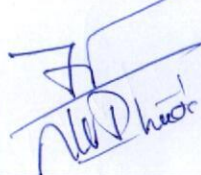
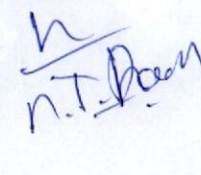
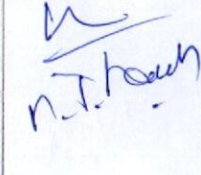
Môn học: **Autocad (Điện) (228160) - Nhóm 03**

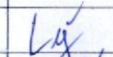
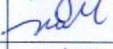
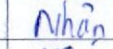
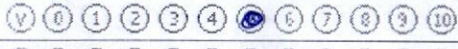
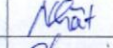
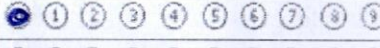
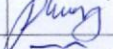
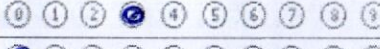
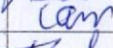
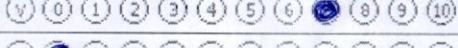
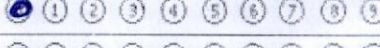
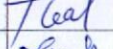
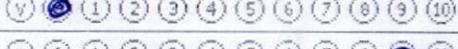
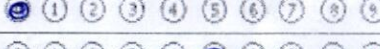
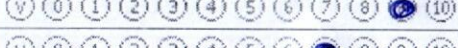
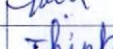
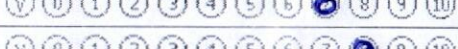
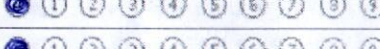
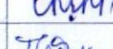
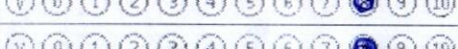
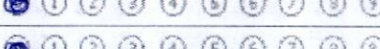
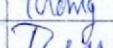
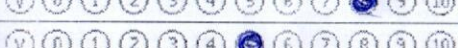
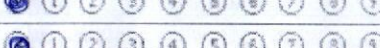
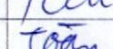
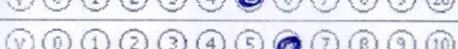
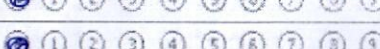
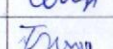
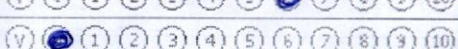
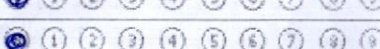
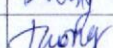
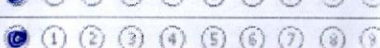
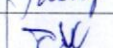
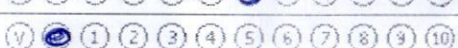
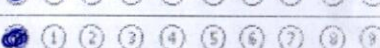
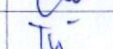
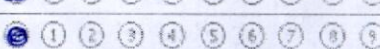
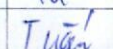
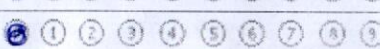
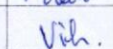
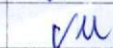
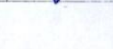
CBGD: **Nguyễn Văn Phước (280023)**

Số SV có mặt: 40.....

Số bài thi: 40.....

Số tờ giấy thi: 40.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050080	PHẠM CÔNG LÝ	06/06/2002	CCQ2005C				65	40	50		
22	2120050081	LƯƠNG TRÍ MINH	06/10/2000	CCQ2005C				50	50	50		
23	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D				50	50	50		
24	2120050084	LÊ VĂN NHẤT	01/01/2002	CCQ2005C				65	40	50		
25	2120050104	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	04/05/2002	CCQ2005C				53	80	73		
26	2120050087	TRẦN NHẤT TÂM	21/05/2001	CCQ2005C				70	70	70		
27	2120050122	DANH THIÊN THANH	06/03/2002	CCQ2005D				0	0	0		
28	2120050088	NGUYỄN CÔNG THẠNH	06/11/2002	CCQ2005C				8,8	10	95		
29	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D				55	80	70		
30	2120050138	VI PHÚ THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D				80	80	80		
31	2120060052	NGUYỄN VĂN THÔNG	16/07/2001	CCQ2005C				65	90	80		
32	2120050091	NGUYỄN NHẬT TIẾN	24/02/2002	CCQ2005C				50	50	50		
33	2120050092	TRẦN QUỐC TOÀN	23/06/2001	CCQ2005C				7,5	50	60		
34	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C				0	0	0		
35	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D				3,5	60	50		
36	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	14/12/2002	CCQ2005C				0	0	0		
37	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C				6,5	90	80		
38	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D				50	50	50		
39	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D				7,3	80	77		
40	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C				0	0	0	